

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 3 - 2020
V/v: Tranh chấp về nuôi con của nam,
nữ chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua.

2. Bà Nguyễn Thị Như Kiều - Hội liên hiệp phụ nữ huyện Vị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Huy H, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp 02, xã V, huyện T, tỉnh G(Có mặt).

Bị đơn: Chị Danh Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp 02, xã V, huyện T, tỉnh G(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Huỳnh Huy H trình bày: Vào năm 2007, giữa nguyên đơn với bị đơn là chị Danh Thị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị đi làm công nhân, thỉnh thoảng mới về địa phương một lần, anh chị chung sống được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng, đến năm 2015 thì anh chị ly thân cho đến nay. Về con chung: giữa anh H với chị H có 01 con chung là cháu Huỳnh N, sinh năm 2007 hiện đang sống với bên nội; khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản ngày 25/12/2019 bị đơn chị Danh Thị H trình bày: Giữa chị với anh H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, nhưng không đăng ký kết hôn, anh chị sống chung đến khoảng năm 2014 - 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn; về con chung, chị tự nguyện giao cháu Huỳnh N cho anh H nuôi dưỡng, chị chưa phải cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/02/2020 cháu Huỳnh N có nguyện vọng được sống với cha.

Về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện; bản tự khai (của anh H, chị H); bản sao giấy khai sinh; bản sao giấy chứng minh nhân dân (của anh H, chị H); bản phô tô sổ hộ khẩu gia đình anh H; đơn xin xác nhận; giấy báo nhận đơn khởi kiện; thông báo nộp tạm ứng án phí; biên lai thu tiền tạm ứng án phí; quyết định phân công Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký; thông báo thụ lý vụ án; quyết định phân công Kiểm sát viên; biên bản xác minh nguyên nhân tranh chấp; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản tổng đạt; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của chị H; biên bản lấy lời khai cháu Nam; biên bản hòa giải; biên bản giao nhận hồ sơ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; biên bản tổng đạt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận anh H với chị H là vợ chồng; về con chung, tiếp tục giao cháu Huỳnh N cho anh H nuôi dưỡng, chị H chưa phải cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập đến. Án phí anh H phải nộp theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

Các tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất: Đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng; về con chung, anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, chị H chưa phải cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có.

Vấn đề đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng: Anh Huỳnh Huy H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Danh Thị H, thời điểm anh H khởi kiện thì chị H có địa chỉ tại ấp 02, xã V, huyện T, tỉnh G; từ năm 2007 đến nay, anh chị cũng không đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ pháp luật thuộc trường hợp: *“Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”*, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang. Đối với bị đơn, tại văn bản ngày 25/12/2019 (BL 25) chị Danh Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào năm 2007, giữa anh H với chị H xác lập quan hệ vợ chồng, mà không đăng ký kết hôn, nên áp dụng các Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Vào năm 2007, giữa anh H với chị H chung sống như vợ chồng, thời điểm này chị H bước sang tuổi 18 là có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Theo điểm c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc hội khóa 10, hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 quy định: *“c) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết”*. Từ năm 2007 đến nay, do anh chị không đăng ký kết hôn, nên pháp luật không công nhận anh chị là vợ chồng. Nên yêu cầu ly hôn của anh H là không có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa anh H với chị H có 01 con chung tên Huỳnh N, sinh ngày 15/11/2007; cháu Nam hiện nay đang sống với anh H, khi ly hôn anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng; cháu N hiện đang học lớp 6/12; đồng thời, cháu N có nguyện vọng sống với anh H; về phía chị H đồng ý giao cháu N cho anh H nuôi dưỡng. Do đó, tiếp tục giao cháu N cho anh H nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng: Trong đơn khởi kiện, anh H không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, anh H tiếp tục khẳng định không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên ghi nhận. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình thu thập chứng cứ các đương sự khẳng định về nợ chung và tài sản chung không có; tại phiên tòa anh H tiếp tục khẳng định, về nợ chung và tài sản chung không có nên không đề cập đến.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do anh H là nguyên đơn trong vụ án. Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “4. Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Căn cứ vào quy định của pháp luật viện dẫn trên, thì anh H phải chịu án phí. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 5, 6, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 94, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 97, Điều 98, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Áp dụng: khoản 1 Điều 11, các khoản 1 và 2 Điều 17 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm c khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc hội khóa 10; các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Huỳnh Huy H với chị Danh Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Anh Huỳnh Huy H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh H Nam, sinh ngày 15/11/2007. Chị H chưa phải cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000868, ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Công TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng